

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP  
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

**Áp dụng đối với: Phòng Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng/Phòng Tài chính-KH, BQL  
dự án thuộc UBND cấp huyện**

<b>STT</b>	<b>Tên biểu</b>	<b>Ký hiệu biểu</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Ngày nhận báo cáo</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>E</b>	<b>G</b>
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố	007.H/H0207-TCKH	Quý/6 tháng/ 9 tháng/ Năm	<p>- Ngày 15 tháng 3: + Số liệu năm trước năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12). + Số liệu quý I (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 14 tháng 3).</p> <p>- Ngày 15 tháng 6: + Số liệu quý II (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 14 tháng 6). + Số liệu quý I cập nhật (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 3).</p> <p>- Ngày 15 tháng 9: + Số liệu quý III (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 14 tháng 9). + Số liệu quý II cập nhật (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30/6).</p> <p>- Ngày 15 tháng 12: + Số liệu quý IV (từ ngày 01 tháng 10 đến hết ngày 14 tháng 12). + Số liệu quý III cập nhật (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 9).</p> <p>- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo</p>

STT	Tên biểu	Ký hiệu biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
A	B	C	E	G
2	Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố	008.H/H0208-TCKH	Quý/ 6 tháng/ 9 tháng/ Năm	<p>- Ngày 15 tháng 3: + Số liệu năm trước năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).</p> <p>+ Số liệu quý I (từ ngày 01 tháng 01 ước đến ngày 14 tháng 3).</p> <p>- Ngày 15 tháng 6: + Số liệu quý II (từ ngày 01 tháng 4 ước đến ngày 14 tháng 6).</p> <p>+ Số liệu quý I cập nhật (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 3).</p> <p>- Ngày 15 tháng 9: + Số liệu quý III (từ ngày 01 tháng 7 ước đến ngày 15 tháng 9).</p> <p>+ Số liệu quý II cập nhật (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 6).</p> <p>- Ngày 25 tháng 12: + Số liệu quý IV (từ ngày 01 tháng 10 ước đến ngày 15 tháng 12).</p> <p>+ Số liệu quý III cập nhật (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 9).</p> <p>- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo</p>

**Biểu số: 007.H/H0207-  
TCKH**

Ban hành kèm theo Quyết  
định số 1614/QĐ-UBND  
ngày 06/10/2023 của UBND

tỉnh Bình Phước

Ngày nhận báo cáo: Quy định  
tại kỳ báo cáo

**THU NGÂN SÁCH NHÀ  
NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN  
HUYỆN/THỊ XÃ/  
THÀNH PHỐ**

Quý I/6 tháng/9 tháng/Năm ...

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tài chính - Kế hoạch  
huyện/thị xã/thành phố

.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Chi cục Thống kê.....

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	Mã số	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
<b>Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước</b>	<b>01</b>				
<b>I. THU NỘI ĐỊA</b>	<b>02</b>				
1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	03				
2. Thu từ doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài	04				
3. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	05				
4. Thuế thu nhập cá nhân	06				
5. Thuế bảo vệ môi trường	07				
6. Các loại phí, lệ phí	08				
7. Các khoản thu về nhà, đất	09				
+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10				
+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11				
+ Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	12				
+ Thu tiền sử dụng đất	13				
+ Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	14				
8. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15				
9. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16				
10. Thu khác ngân sách	17				
11. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	18				

	Mã số	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
12. Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước	19				
<b>II. THU TỪ DẦU THÔ</b>	<b>20</b>				
<b>III. THU CÂN ĐỐI TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>	<b>21</b>				
1. Tổng số thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	22				
- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	23				
- Thuế xuất khẩu	24				
- Thuế nhập khẩu	25				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu	26				
- Thuế BVMT từ hàng hóa nhập khẩu	27				
- Thuế khác	28				
2. Hoàn thuế giá trị gia tăng	29				
<b>IV. THU VIỆN TRỢ</b>	<b>30</b>				
<b>V. CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP</b>	<b>31</b>				

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

# **BIỂU SỐ 007.H/H0207-TCKH: THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

## **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố là toàn bộ các khoản thu ngân sách nhà nước từ các đơn vị thường trú trên địa bàn được thực hiện trong khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Các chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước được tổng hợp và chia chi tiết từ cơ sở dữ liệu thu ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý tài chính của huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

- Thu nội địa phản ánh các khoản thu ngân sách nhà nước (gồm thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác) của địa phương đối với các hoạt động diễn ra trong lãnh thổ địa lý, giữa các tổ chức, cá nhân thường trú trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước bao gồm thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý và thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý.

- Thu về dầu thô gồm thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận phía Việt Nam được hưởng, dầu lãi được chia của nước chủ nhà.

- Thu Hải quan gồm thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu...

- Thu viện trợ (không kể viện trợ về cho vay lại) phản ánh các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc hiện vật của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho địa phương theo quy định của pháp luật.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

## **2. Cách ghi biểu**

Các chỉ tiêu trong biểu này thống nhất với nội dung của các chỉ tiêu trong biểu mẫu dự toán về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính ban hành theo cấp quản lý.

## **3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Phạm vi toàn toàn huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh. Số liệu thu thập quý báo cáo, năm báo cáo cụ thể:

- Ngày 15 tháng 3:

+ Số liệu năm trước năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).

- + Số liệu quý I (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 14 tháng 3).
- Ngày 15 tháng 6:
- + Số liệu quý II (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 14 tháng 6).
- + Số liệu quý I cập nhật (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 3).
- Ngày 15 tháng 9:
- + Số liệu quý III (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 14 tháng 9).
- + Số liệu quý II cập nhật (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 6).
- Ngày 15 tháng 12:
- + Số liệu quý IV (từ ngày 01 tháng 10 đến hết ngày 14 tháng 12).
- + Số liệu quý III cập nhật (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 9).
- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo

#### **4. Nguồn số liệu**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện/thị xã/thành phố .....
- Phối hợp: Kho bạc Nhà nước, Chi cục Thuế huyện/thị xã/thành phố .....

**Biểu số: 008.H/H0208-TCKH**  
 Ban hành kèm theo Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Bình Phước  
 Ngày nhận báo cáo: Quy định tại kỳ báo cáo

**CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/  
 THỊ XÃ/THÀNH PHỐ  
 VÀ CƠ CẤU CHI**

Quý I/6 tháng/9 tháng/Năm ...

Đơn vị báo cáo:  
 Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện/thị xã/thành phố  
 .....  
 Đơn vị nhận báo cáo:  
 Chi cục Thống kê.....

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	Mã số	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
<b>Tổng chi ngân sách nhà nước</b>	<b>01</b>				
<b>I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>02</b>				
1. Chi đầu tư cho các dự án	03				
2. Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước và doanh nghiệp	04				
3. Chi đầu tư phát triển khác	05				
<b>II. CHI TRẢ NỢ LÃI</b>	<b>06</b>				
<b>III. CHI VIỆN TRỢ</b>	<b>07</b>				
<b>IV. CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>08</b>				
1. Chi quốc phòng	09				
2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	10				
3. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	11				
4. Chi khoa học công nghệ	12				
5. Chi y tế, dân số và gia đình	13				
6. Chi văn hóa thông tin	14				
7. Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	15				
8. Chi thể dục thể thao	16				
9. Chi bảo vệ môi trường	17				

	Mã số	Năm trước năm báo cáo		Năm báo cáo	
		Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Cùng kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
10. Chi các hoạt động kinh tế	18				
11. Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	19				
12. Chi bảo đảm xã hội	20				
13. Chi khác	21				
<b>V. CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH</b>	<b>22</b>				
<b>VI. DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>23</b>				

....., Ngày ... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)



# **BIỂU SỐ 008.H/H0208-TCKH: CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

## **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố là toàn bộ các khoản chi ngân sách nhà nước được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố bao gồm tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách địa phương và các đơn vị thường trú tại địa bàn có sử dụng ngân sách Trung ương.

Các chỉ tiêu chi ngân sách nhà nước được tổng hợp và chia chi tiết từ cơ sở dữ liệu chi ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý tài chính của huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

Chi đầu tư phát triển bao gồm: Chi đầu tư cho các dự án; Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, Chi đầu tư phát triển cho các chương trình quốc gia do các địa phương thực hiện; Các khoản chi đầu tư phát triển khác.

Chi trả lãi là số tiền lãi phải trả cho các khoản vay của ngân sách địa phương.

Chi thường xuyên phản ánh các khoản chi thường xuyên cho các hoạt động của các đơn vị hành chính, sự nghiệp thường trú trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố trong thời kỳ báo cáo.

## **2. Cách ghi biểu**

Các chỉ tiêu trong biểu này thống nhất với nội dung của các chỉ tiêu trong biểu mẫu dự toán về tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính ban hành.

## **3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Phạm vi toàn toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập quý báo cáo, năm báo cáo, cụ thể như sau:

- Ngày 15 tháng 3:

+ Số liệu năm trước năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).

+ Số liệu quý I (từ ngày 01 tháng 01 ước đến ngày 14 tháng 3).

- Ngày 15 tháng 6:

+ Số liệu quý II (từ ngày 01 tháng 4 ước đến ngày 14 tháng 6).

+ Số liệu quý I cập nhật (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 3).

- Ngày 15 của tháng 9:
  - + Số liệu quý III (từ ngày 01 tháng 7 ước đến ngày 15 tháng 9).
  - + Số liệu quý II cập nhật (từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 6).
- Ngày 25 tháng 12:
  - + Số liệu quý IV (từ ngày 01 tháng 10 ước đến ngày 15 tháng 12).
  - + Số liệu quý III cập nhật (từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 9).
- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo

#### **4. Nguồn số liệu**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện/thị xã/thành phố .....
- Phối hợp: Kho bạc Nhà nước huyện/thị xã/thành phố .....